TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:25/2023/HS-ST
Ngày: 20-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Toàn và ông Nguyễn Trịnh Điển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên toà*:** Ông Lê Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

DươngHH, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1968, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; con ông Dương A (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1938, nơi cư trú: thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị; vợ: Đinh Thị H, sinh năm 1971, hiện trú tại Thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 24/3/2023 cho đến nay.

Bị hại:

1. Ông Dương TM, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bà NTT, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn VP, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn P, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Ông LVP, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn NC, xã TT, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Ông HVT, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, ông Dương TM, sinh năm 1972, trú tại thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị làm đơn gửi UBND xã TA, huyện TP, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) cho gia đình ông M. Tuy nhiên, do thửa đất có tranh chất trong gia đình nên UBND xã TA tạm dừng làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M. Đến khoảng đầu tháng 02 năm 2022, bà NTT (vợ ông M) nghe mọi người nói có DươngHH, sinh năm 1968, trú cùng thôn biết các thủ tục và làm được giấy CNQSDĐ cho một số người ở trong thôn, nên ông M và bà Thiêm đế nhà gặp H để nhờ làm giấy tờ. Tại đây, H bảo ông M về lấy hồ sơ cho H xem có làm được không. Ông M tìm gặp anh LVP – cán bộ địa chính xã Triệu An xin rút hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ của mình về đưa cho H xem, gồm: sơ đồ đo đạc 02 tờ và tờ biên lai thu lệ phí đo đạc đất. H xem hồ sơ và nói hồ sơ huyện ký rồi, còn xã để H làm cho, đồng thời yêu cầu vợ chồng ông M đưa cho H 10.000.000 đồng để làm giúp. Nghe vậy, vợ chồng ông M đưa cho H 10.000.000 đồng. Một thời gian sau, H đến gặp anh LVP, cán bộ địa chính xã Triệu An hỏi vì sao hộ ông M không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh P trả lời "hộ ông M do đất đang bị tranh chấp giữa mẹ ông M và vợ chồng ông M nên không làm được". Nghe vậy, H ra về. Thời gian sau, H xem trên mạng xã hội thấy có người đăng tin làm được con dấu giả, nên nảy sinh ý định đặt làm con dấu UBND xã Triệu An giả và dấu tên của ông Nguyễn VP, chủ tịch UBND xã Triệu An giả để làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông M. H liên lạc với người làm con dấu giả qua Messenger để cung cấp kích thước con dấu, và đặt hàng với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 15 ngày sau, có một thanh niên không rõ lai lịch, địa chỉ đưa đến cho H một gói hàng, bên trong là con dấu UBND xã Triệu An giả và dấu tên của ông Nguyễn VP giả, H thanh toán cho người giao hàng 3.000.000 đồng. Sau đó, H xin biểu mẫu hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ về điền thông tin của ông Dương TM theo biểu mẫu, H ký giả chữ ký của ông Nguyễn VP, chủ tịch UBND xã Triệu An lên các tài liệu gồm:

"Đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022, danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022, đơn đề nghị xác nhận chỗ ở hợp pháp lập ngày 04/7/2022, bản mô tả ranh giới móc giới thửa đất lập ngày 04/7/2022, pH lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc thửa đất lập ngày 04/7/2022, biên bản làm việc về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất" và đóng dấu UBND xã Triệu An, huyện Triệu Phong giả, dấu tên của ông Nguyễn VP giả, ký giả các chữ ký của ông Nguyễn VP. Sau đó, H còn ghi họ và tên bên dưới và ký giả chữ ký của anh LVP, cán bộ địa chính xã Triệu An lên các giấy tờ, gồm: Đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022, biên bản làm việc về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất. Sau khi làm xong, H gọi cho ông M đến đưa hồ sơ giả đó và hướng dẫn ông M ký vào hồ sơ, đưa đi ký các hộ liền kề với thửa đất và trưởng thôn Hà Tây, xã Triệu An, ông M làm như hướng dẫn và đưa hồ sơ về cho H. Lúc này, H yêu cầu ông M đưa thêm cho H 10.000.000 đồng để hoàn thiện hồ sơ, thời gian sau, H lại yêu cầu M đưa thêm 5.000.000 đồng tiền chi phí đi lại làm hồ sơ, vợ chồng ông M đã đưa cho H đầy đủ. Sau khoảng một tuần, H điện

thoại tiếp cho vợ chồng ông M, nói chi phí đi lại, làm hồ sơ hết tiền nên nói đưa tiếp cho H 2.200.000 đồng.

Thời gian sau đó H đưa cho ông M một giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, vợ chồng ông M là người nộp hồ sơ, hẹn 38 ngày trả kết quả. Đúng như lịch hẹn trên giấy, vợ chồng ông M đến Phòng một cửa UBND huyện Triệu Phong hỏi về hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ thì được trả lời hồ sơ này không nộp ở đây. Lúc này, vợ chồng M nghĩ H lừa mình, nên tìm gặp H đòi tiền và hồ sơ lại. H bảo với vợ chồng M đưa thêm 2.000.000 đồng để hoàn thiện hồ sơ đưa đi nộp, vợ chồng M đưa thêm cho H 2.000.000 đồng. Thời gian sau, vợ chồng M đến Phòng một cửa UBND huyện Triệu Phong hỏi hồ sơ nhưng được trả lời là không có hồ sơ tại đây, vợ chồng M gặp H đòi lại tiền và hồ sơ thì H nói hồ sơ họ đang thẩm định, chưa nộp được, vợ chồng M nói "không làm được thì trả tiền và hồ sơ lại". Khoảng một tuần sau, H trả lại cho vợ chồng M 5.000.000 đồng, ông M cương quyết đòi lại hết tiền, H nói "tiền tau chi phí đi lại, làm hồ sơ đã hết, khi nào có sẽ trả".

Khoảng một tuần sau đó, H điện cho ông M vào nhà H, đưa ra sơ đồ bảo ông M ký vào, H nói " còn chữ ký này anh ký nữa là xong", nghe vậy, ông M ký vào sơ đồ đó. H bảo ông M về để H đi nộp hồ sơ. Khoảng 03 ngày sau, H điện cho ông M bảo đưa lại 5.000.000 đồng cho H để lấy giấy hẹn. Vợ chồng ông M đưa cho H 5.000.000 đồng và nhận giấy hẹn trả kết quả. Một tháng sau, vợ chồng M đến Phòng một cửa UBND huyện Triệu Phong hỏi hồ sơ này của gia đình thì được trả lời hồ sơ đã nộp ở đây nhưng chưa thẩm định. Sau đó, vợ chồng M tiếp tục đến Phòng một cửa UBND huyện Triệu Phong hỏi về hồ sơ thì cán bộ phụ trách đưa cho ông M thông báo có nội dung "Hồ sơ hộ gia đình ông M, Phòng tài nguyên và môi trường huyện Triệu Phong chưa duyệt hồ sơ". Ông M điện thoại cho H về việc hồ sơ chưa được duyệt, H bảo ông M đưa giấy đó về cho H. Đầu tháng 12 năm 2022, Phòng tài nguyên và môi trường huyện Triệu Phong điện thoại về cho ông M, nói hồ sơ sai ngày, tháng, năm, nói ông M đến nhận về sửa lại. Ông M đến nhận hồ sơ, đưa cho H xem và nói với H để ông M đưa hồ sơ ra xã nhờ sửa lại. H nói với ông M là để H đi sửa lại cho. Ngày 07/12/2022, H điện cho M nói đưa thêm cho H 3.000.000 đồng chi phí sửa hồ sơ, vợ chồng ông M đưa cho H 2.000.000 đồng. H lấy tiền, hẹn ông M 10 giờ sáng cùng ngày đến nhà H lấy hồ sơ để đi nộp lại. Đúng hẹn, ông M đến nhà H lấy hồ sơ đưa đến Phòng tài nguyên và môi trường huyện Triệu Phong. Khi đến đây, có mặt anh LVP, cán bộ địa chính xã Triệu An, cán bộ nhận hồ sơ của ông M nói anh P "Bữa trước anh làm sai hồ sơ này, bây giờ cũng sai, không ghi ngày tháng vào". Lúc này, anh P lấy hồ sơ của M xem và nói "Hồ sơ này anh P không làm, các chữ ký trong hồ sơ đều là giả", anh P đề nghị ông M chuyển toàn bộ hồ sơ để anh P kiểm tra lại. M chuyển hồ sơ cho anh P, về nói với vợ "H làm hồ sơ giả chữ ký của anh P", nên vợ chồng ông M đến gặp H để đòi lại tiền thì H trả lại cho vợ chồng ông M 2.000.000 đồng, H yêu cầu vợ chồng ông M không khai ra H làm hồ sơ cho mình, nếu khai ra, H sẽ không trả lại tiền cho họ. Quá trình thực hiện hành vi, H đã nhận 31.200.000 đồng từ vợ chồng ông M, H đã trả lại 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra, DươngHH khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bồi thường cho ông Dương TM số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 31/3/2023, ông H tiếp tục đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong giao nộp thêm số tiền 29.000.0000 đồng để khắc phục hậu quả do mình gây ra.

Tại bản kết luận giám định số 144/KL-KTHS ngày 31/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: "Chữ ký mang tên LVP tại mục "Cán bộ địa chính" trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 với các chữ ký mang tên LVP trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra. Các chữ ký mang tên Nguyễn VP trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 với các chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra. Các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1 đến A5 với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra."

Tại bản kết luận giám định số 306/KL-KTHS ngày 16/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: "Chữ ký mang tên LVP tại mục "Cán bộ địa chính" trên tài liệu cần giám định kí hiệu A6 với các chữ ký mang tên LVP trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra. Các chữ ký mang tên NGUYỄN VP trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A6 với các chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra. Các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A6 với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra."

Tại bản kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 21/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: "1. Chữ ký mang tên Lê VP trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A6 với các chữ ký mang tên Lê VP trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4 do cùng một người ký ra. 2. Các chữ ký mang tên Nguyễn VP trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 với các chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M5 do cùng một người ký ra. 3. Các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A6 với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M6 do cùng một con dấu đóng ra. 4. Không đủ cơ sở để kết luận các hình dấu tên màu đỏ có nội dung "Nguyễn VP" trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A6 với các hình dấu tên có nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không."

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

- 01 con dấu có in hình chữ " Nguyễn VP" giả.
- 01 con dấu khi đóng ra có hình dạng tròn trên bề mặt có in nội dung cụ thể như sau: ở giữa có hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có dòng chữ "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" giả.

Cáo trạng số 22/CT-VKSTP ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị truy tố DươngHH về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố DươngHH phạm tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo DươngHH từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về vật chứng: Áp dụng

điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu có in hình chữ "Nguyễn VP" giả và 01 con dấu khi đóng ra có hình dạng tròn trên bề mặt có in nội dung cụ thể như sau: ở giữa có hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có dòng chữ "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" giả. Đối với số tiền 29.000.000 đồng mà bị cáo DươngHH đã nộp để khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, khi án có hiệu lực pháp luật, Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong có trách nhiệm làm thủ tục để trả số tiền này cho ông Dương TM và bà NTT. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo DươngHH đã khai nhận trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 03 năm 2022 đến khoảng tháng 11 năm 2022, DươngHH thông qua mạng xã hội Facebook đã mua con dấu UBND xã TA giả và dấu tên của ông Nguyễn VP (Chủ tịch UBND xã TA) giả từ một người không rõ lai lịch với mục đích để làm giả các giấy tờ liên quan đến hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương TM và bà NTT có địa chỉ tại thôn HT, xã TA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Sau khi nhận được con dấu và dấu tên giả bị cáo H đã xin biểu mẫu hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ về điền thông tin của ông Dương TM theo biểu mẫu, H ký giả chữ ký của ông Nguyễn VP, chủ tịch UBND xã Triệu An lên các tài liệu gồm:*"Đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022; danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022; đơn đề nghị xác nhận chỗ ở hợp pháp lập ngày 04/7/2022; bản mô tả ranh giới móc giới thửa đất lập ngày 04/7/2022; phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc thửa đất lập ngày 04/7/2022; biên bản làm việc về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất"* và đóng dấu UBND xã Triệu An, huyện Triệu Phong giả, dấu tên của ông Nguyễn VP giả. Sau đó, H còn ghi họ và tên bên dưới và ký giả chữ ký của anh LVP, cán bộ địa chính xã Triệu An lên các giấy tờ, gồm: Đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022; biên bản làm việc về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất. Quá trình phạm tội của mình bị cáo H đã yêu cầu ông M phải đưa cho bị cáo tổng số tiền 31.200.000 đồng.

Sự thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết luận giám định số 144/KL-KTHS ngày 31/01/2023, số 306/KL-KTHS ngày 16/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị xác định: 01 con dấu có in hình chữ " Nguyễn VP" là giả. 01 con dấu khi đóng ra có hình dạng tròn trên bề mặt có in nội dung cụ thể như sau: ở giữa có hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có dòng chữ "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" là giả. Các chữ ký của ông Nguyễn VP – Chủ tịch UBND xã TA trên 06 giấy tờ liên quan đến hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của ông Dương TM và bà NTT đều là bị cáo H giả chữ ký và đóng dấu giả do bị cáo mua trên mạng xã hội. Ngoài ra, bị cáo còn giả chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn VP – Công chức địa chính UBND xã TA vào 02 trong số 06 giấy tờ, tài liệu nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo DươngHH đã cấu thành tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

DươngHH đã làm giả các tài liệu gồm:*"Đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022; Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập ngày 04/7/2022; Đơn đề nghị xác nhận chỗ ở hợp pháp lập ngày 04/7/2022, bản mô tả ranh giới móc giới thửa đất lập ngày 04/7/2022; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc thửa đất lập ngày 04/7/2022; Biên bản làm việc về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất"* và sử dụng các tài liệu nêu trên nhằm thu lợi bất chính số tiền 31.200.000 đồng. Việc bị cáo làm giả 06 tài liệu, 01 con dấu của UBND xã Triệu An và 01 dấu tên của Chủ tịch UBND xã Triệu An đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong truy tố bị cáo DươngHH về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Bị cáo sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình thể hiện ở việc bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 31.000.000 đồng. Bị cáo bị bệnh hẹp động mạch vành, tiểu đường đã điều trị nhiều Bệnh viện, hiện đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, bị cáo H được hưởng nhiều

tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng có tác dụng răn đe và giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã yêu cầu ông Dương TM và bà NTT đưa cho Hiếu số tiền 31.200.000 đồng. Bị cáo đã trả lại cho ông M, bà Thiêm 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại 29.200.000 đồng bị cáo chưa trả cho ông M. Tuy nhiên, vào ngày 31/3/2023, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 29.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị để khắc phục hậu quả do mình gây ra. Vì vậy, khi án có hiệu lực pháp luật Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong có trách nhiệm làm thủ tục để trả số tiền này cho ông Dương TM và bà NTT theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Số tiền còn lại 200.000 đồng, tại phiên tòa ông Dương TM và bà NTT không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt từ 21 đến 24 tháng tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với con dấu có in hình chữ " Nguyễn VP" giả và 01 con dấu khi đóng ra có hình dạng tròn trên bề mặt có in nội dung cụ thể như sau: ở giữa có hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có dòng chữ "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" được xác định là dấu giả, đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu có in hình chữ " Nguyễn VP" giả và 01 con dấu khi đóng ra có hình dạng tròn trên bề mặt có in nội dung cụ thể như sau: ở giữa có hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có dòng chữ "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" giả.

Riêng các giấy tờ, tài liệu giả thu giữ từ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo làm giả được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án, được ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo DươngHH phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự

- Tuyên bố bị cáo DươngHH phạm tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo DươngHH **24** *(hai mươi bốn)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 điều Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho ông Dương TM và bà NTT số tiền 29.000.000 đồng mà bị cáo DươngHH đã nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền này có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền số 0000064 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Khi án có hiệu lực pháp luật, Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong có trách nhiệm làm thủ tục để trả số tiền này cho ông Dương TM và bà NTT.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu có in hình chữ " Nguyễn VP" giả và 01 con dấu khi đóng ra có hình dạng tròn trên bề mặt có in nội dung cụ thể như sau: ở giữa có hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có dòng chữ "UBND xã TRIỆU AN H. TRIỆU PHONG T. QUẢNG TRỊ" giả.

(Các loại vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, đặc điểm của các loại vật chứng này được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2023 giữa Công an huyện Triệu Phong và Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo DươngHH phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HVT có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VP, ông LVP vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh, VKS tỉnh Quảng Trị;
- VKS, CA huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS h. Triệu Phong;
- THA Hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Đăng Khoa